TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 - NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2026/DS-ST
Ngày: 26/3/2026
V/v:"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Đại
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hải
Bà Lê Thị Sử

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Nghệ An

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Nghệ An xét xử công khai vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số 128/2025/TLST- DS ngày 19 tháng 11 năm 2025 về "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo định đưa vụ án ra xét xử số 03/2026/QĐXX-ST ngày 23 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên toà số 03/2026/QĐ - ST ngày 10/3/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1983
Địa chỉ: xóm M, xã B, tỉnh Nghệ An. Có mặt

Bị đơn: Ông Thái Khắc C, sinh năm 1985 và bà Lê Thị Thu H, sinh năm 1985
Địa chỉ: xóm T, xã B, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:
Bà Trần Thị N, sinh năm 1964
Địa chỉ: xóm M, xã B, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong khởi kiện ngày 26/9/2025, tự khai và biên bản lấy lời khai của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày: Ngày 14/7/2025 bà Nguyễn Thị Đ có cho ông Thái Khắc C và bà Lê Thị Thu H (vợ ông C) số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), khi vay không thoả thuận lãi suất, bà Đ đã nhiều lần gọi điện và trực tiếp đến nhà đòi nợ nhưng ông C bà H không chịu trả. Nay bà Đ làm đơn yêu cầu buộc ông C bà

H phải trả cho bà Đ số tiền nợ gốc đã vay là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng). Tại biên bản ghi lời khai ngày 26/ 3/2026 và tại phiên toà, nguyên đơn bà Đ đã rút yêu cầu về phần lãi suất đối với ông Thái Khắc C và bà Lê Thị Thu H đối với số tiền cho vay.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Thái Khắc C và bà Lê Thị Thu H là bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không có bản tự khai. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có tiến hành thủ tục niêm yết thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông ông Thái Khắc C và bà Lê Thị Thu H biết Tòa án đã thụ lý vụ án tranh chấp về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền trong hợp đồng theo đơn khởi kiện của bà Đ nhưng ông Thái Khắc C và bà Lê Thị Thu H không có ý kiến bằng văn bản gửi đến Tòa án về việc bà Nguyễn Thị Đ khởi kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị N trình bày:

Vợ chồng ông Thái Khắc C và bà Lê Thị Thu H đến nhà tôi nài nỉ van xin mượn tiền của tôi, nhưng tôi không có tiền nên có nhờ tôi nói và mượn tiền hộ. Sau đó tôi sang chị Nguyễn Thị Đ nói giúp để chị Nguyễn Thị Đ cho ông Thái Khắc C bà bà Lê Thị Thu H mượn tiền. Tổng số tiền ông Thái Khắc C và bà Lê Thị Thu H vay của bà Nguyễn Thị Đ là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Các bên không thoả thuận lãi suất. Tôi có ghi và ký vào giấy vay tiền do ông Thái Khắc C lập với nội dung: "nếu vợ chồng Cường H1 không trả chị chịu đứng ra trả số nợ trên" và ký tên Trần Thị N. Đó là chữ viết của bà N.

Ông Thái Khắc C và bà Lê Thị Thu H đã vay của chị Nguyễn Thị Đ tổng số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Thời hạn vay là 01 (một) tháng. Hai bên không thoả thuận lãi suất. Chị Đ không yêu cầu bà N phải trả nợ thay mà chỉ nói tôi viết vào để có sự tin tưởng để sau này buộc vợ chồng ông C bà H phải trả nợ cho bà Đ.

Từ khi đến hạn trả nợ, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Đ không yêu cầu tôi phải trả nợ thay. Bà N và chị Đ có quan hệ là gì cháu. Khi vợ chồng Cường H1 vay tiền thì bà Đ có nói với tôi (Năm) ký vào giấy vay tiền để cho vợ chồng C H1 nhìn vào đó mà trả nợ, chứ chị Đ không yêu cầu bà N phải trả nợ thay số nợ của ông C, bà H1.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Nghệ An phát biểu ý kiến theo quy định tại 262 Bộ luật tụng dân sự như sau:

- Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tụng dân sự trong việc thụ lý vụ án, thông báo thụ lý vụ án, xác định quan hệ chấp, xác minh và thu thập chứng cứ, tổ chức hòa giải cũng như thời hạn giải quyết vụ án.

Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định về thành phần, nguyên tắc xét xử, trình tự tố tụng tại phiên tòa.

Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của Bộ luật tụng dân sự.

Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ kiện đều chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Bộ luật tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Bộ luật tụng dân sự.

- Về nội dung vụ kiện: Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và quá trình xét xử tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Nghệ An đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 197; Điều 463; Điều 466 và Điều 469 Bộ luật sự năm 2015; Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; điểm c, khoản 1 Điều 217, Điều 244, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự BLTTDS; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đào B ông Thái Khắc C và bà Lê Thị Thu H phải trả cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền nợ gốc là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng); Đình chỉ yêu cầu trả lãi suất trên số nợ vay đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị Đ và buộc bị đơn ông Thái Khắc C và bà Lê Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch và tuyên trả tiền tạm ứng án phí cho đơn Nguyễn Thị Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp về hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn Thái Khắc C và bà Lê Thị Thu H có nơi cư trú tại xóm T, xã B, tỉnh Nghệ An, do đó theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 7 - Nghệ An thụ lý giải quyết là đúng thủ tục tố tụng dân sự sơ thẩm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 205 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng không hòa giải được do bị đơn vắng mặt. Ông Thái Khắc C và bà Lê Thị Thu H là bị đơn trong vụ án vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không có bản tự khai. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có tiến hành thủ tục niêm yết thông báo về việc thụ lý vụ án và những văn bản tố tụng khác cho ông C và bà H biết. Các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do chính đáng dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về chứng cứ và nghĩa vụ chứng minh: Tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định "Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh". Quá trình tố tụng, Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho bị đơn văn bản tố tụng nhưng bị đơn vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến phản hồi và không phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì, vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì ông Thái Khắc C và bà Lê Thị Thu H đã từ bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Toà án hoặc cử người đại diện tham gia tố tụng, do đó phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án giải quyết vụ việc trên theo những chứng cứ có trong hồ sơ.

Trước khi khởi kiện, nguyên đơn Nguyễn Thị Đ đã thực hiện việc yêu cầu bị đơn Thái Khắc C và bà Lê Thị Thu H trả nợ nên đáp ứng đúng quy định tại Điều 463; Điều 465; Điều 466 và Điều 469 Bộ luật sự 2015 và Điều 186 và Điều 189 Bộ luật tụng dân sự về điều kiện khởi kiện.

Giao dịch phát sinh vào ngày 14/7/2025 nên Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật sự năm 2015 (có hiệu lực vào thời điểm phát sinh giao dịch) để làm căn cứ pháp lý khi giải quyết vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Đ đã giao nộp bản gốc tài liệu chứng cứ giấy vay tiền thể hiện nội dung giao dịch vay tiền vào ngày 14/7/2025 giữa ông Thái Khắc C và bà Lê Thị Thu H với số tiền vay 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) do ông Thái Khắc C và bà Lê Thị Thu H ký xác nhận việc vay nợ.

Bị đơn ông Thái Khắc C và bà Lê Thị Thu H được tống đạt hợp lệ nhưng cố tình không có mặt tại Toà án và không giao nộp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án về việc đã trả nợ cho bên cho vay nên Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét các tài liệu do nguyên đơn giao nộp và các chứng cứ do các bên đương sự trình bày để giải quyết vụ án.

[2]. Về nội dung vụ kiện: Căn cứ vào giấy vay nợ và lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn, Hội đồng xét xử khẳng định được: Theo nội dung giao dịch vay tiền vay tiền vào ngày 14/7/2025 giữa ông Thái Khắc C và bà Lê Thị Thu H với số tiền vay 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), sau 01 tháng ông C bà H trả đầy đủ cho bà Đ, do ông Thái Khắc C và bà Lê Thị Thu H ký xác nhận việc vay nợ. Trong các tờ giấy ghi nhận nợ không thấy ghi lãi suất thỏa thuận giữa các bên. vậy, căn cứ vào quy định tại Điều 469 Bộ luật sự năm 2015 thì đây là giao dịch vay tài sản có thời hạn trả nợ và không có thỏa thuận tiền lãi suất, theo đó bên cho vay có quyền

yêu cầu bên vay nợ phải trả khi đã hết thời hạn theo thoả thuận trong giấy vay nợ, nguyên đơn chị Đ có mặt và cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh cũng như giấy tờ vay giữa có xác nhận chữ ký của bên vay là ông Thái Khắc C và bà Lê Thị Thu H. Do vậy, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ, buộc ông Thái Khắc C và bà Lê Thị Thu H phải trả cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền nợ vay là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) theo như yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án,nguyên đơn bà Đ đã rút yêu cầu về phần yêu cầu lãi suất đối với số tiền cho vay 100.000.000đ đối với ông Thái Khắc C và bà Lê Thị Thu H. Do đó đình chỉ đối với phần yêu cầu tiền tiền lãi suất đối với khoản cho vay của bà Nguyễn Thị Đ.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị Đ được chấp nhận nên bị đơn ông Thái Khắc C và bà Lê Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch là 100.000.000đ x 5% = 5000.000đ (Năm triệu đồng).

Bà Nguyễn Thị Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. T trả lại cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền tạm ứng án phí dân sự 2.538.000đ (Hai triệu hai năm trăm ba mươi tám nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002949 ngày 19/11/2025 tại Thi hành án dân tỉnh N phát hành.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463; Điều 465; Điều 466, Điều 467 và Điều 469 Bộ luật sự năm 2015;

Khoản 1 147; Điều 227, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 244 Bộ luật tụng dân sự;

Điều 26 Nghị quyết 326/2019/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban vụ Quốc

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Đ. Buộc Thái Khắc C và bà Lê Thị Thu H phải trả cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền nợ là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành bản án có hiệu lực pháp luật, người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi với mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật sự tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

Đình chỉ đối với phần yêu cầu trả số tiền lãi suất khoản tiền cho vay của bà Nguyễn Thị Đ đối với ông Thái Khắc C và bà Lê Thị Thu H.

- Về án phí:

Buộc ông Thái Khắc C và bà Lê Thị Thu H phải nộp 5000.000đ (năm triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền tạm ứng án phí dân sự 2.538.000đ (Hai triệu năm trăm ba mươi tám nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002949 ngày 19/11/2025 tại Thi hành án dân tỉnh N phát hành.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật hành án dân sự.Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 7 - Nghệ An;
- Phòng THADS khu vực 7 - Nghệ An;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN XUÂN ĐẠI